

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay tăng gần 14 điểm và đóng cửa tại mốc 1,211. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 18/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Truyền thông dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường vẫn tiếp tục giao dịch chủ yếu trong vùng 1,200 – 1,210. Điểm cân bằng ngắn hạn của thị trường có thể nằm trong vùng này, nhưng chỉ số cần thu hẹp biên độ dao động để tạo nền chắc hơn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 23/04/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+13.87** điểm, đóng cửa tại **1211** điểm. HNX-Index **+3.74** điểm, đóng cửa tại **211.45** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+1.64)**, **VHM (+0.99)**, **GVR (+0.83)**, **BCM (+0.77)**, **HPG (+0.77)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.97)**, **SSB (-0.45)**, **VIC (-0.36)**, **HVN (-0.26)**, **STB (-0.20)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,109** tỷ đồng, giảm **-46.12%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,955 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.01 điểm. Thị trường có **416** mã tăng, 56 mã tham chiếu, **120** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-91.93** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-141.84 tỷ)**, **MBB (-101.66 tỷ)**, **SHB (-62.09 tỷ)**, **FTS (-31.76 tỷ)**, **VPB (-29.44 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-15.37** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.69%**. Các mã diễn biến tích cực:
HSG (+6.80%) [\(Link báo cáo\)](#)
DBC (+4.07%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCB (+3.78%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+2.79%**. Các mã diễn biến tích cực:
BMP (+6.96%)
VTP (+6.92%)
CTR (+6.91%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.69%	2.79%	1.16%	0.98%
1 tuần	-0.81%	-1.09%	0.06%	0.76%
1 tháng	-12.98%	-15.14%	-8.97%	-6.30%
3 tháng	-11.74%	-11.24%	-3.86%	-2.21%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,211.00	211.45	91.46
% 1D	1.16%	1.80%	2.00%
GTGD (tỷ VND)	17,109	912	498
%1D	-46.12%	-50.46%	-39.31%
GDNN (tỷ VND)	-91.93	-15.37	-7.37

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
BAF	69.97	FPT	-141.84
VIC	51.72	MBB	-101.66
HPG	47.24	SHB	-62.09
BMP	47.02	FTS	-31.76
MSN	45.85	VPB	-29.44

Thị trường thế giới

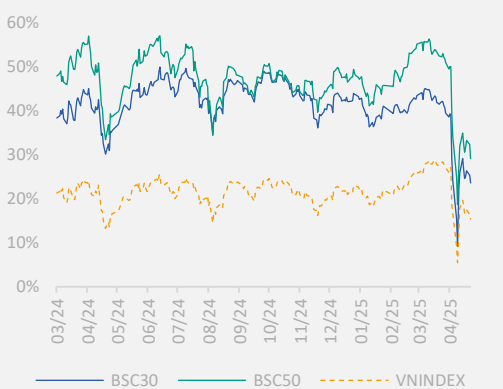
		%D	%W
SPX	5,288	2.51%	-2.19%
FTSE100	8,462	1.61%	4.03%
Eurostoxx	5,092	2.88%	3.34%
Shanghai	3,296	-0.10%	0.62%
Nikkei	34,869	1.89%	2.92%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.60	1.71%
Giá vàng	3,325	-0.43%
Tỷ giá		
USD/VND	26,141	0.10%
EUR/VND	30,392	-0.86%
JPY/VND	187	-1.06%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.00%
LS LNH 1M	0.0%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

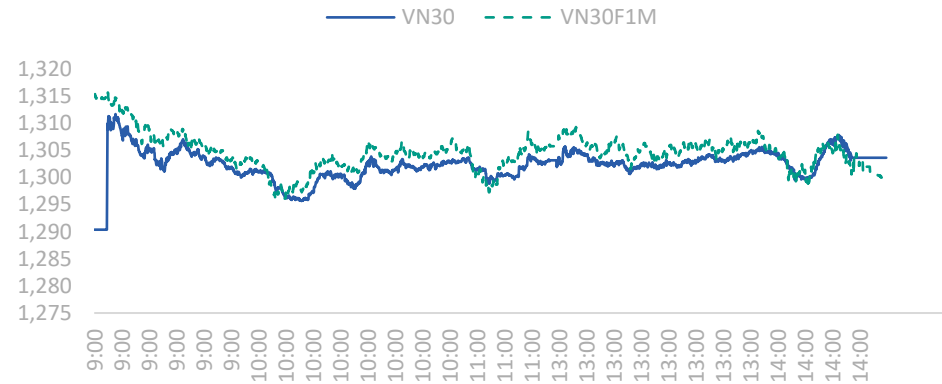
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1307.00	0.69%	159	-39.3%	9/18/2025	148
VN30F2512	1308.90	0.72%	60	-67.7%	12/18/2025	239
VN30F2505	1301.00	0.70%	313,201	-25.6%	5/15/2025	22
VN30F2506	1297.00	0.85%	807	-47.1%	6/19/2025	57

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +12.66 điểm, đóng cửa tại 1303.04 điểm. Biên độ dao động 21.34 điểm. Các cổ phiếu như TCB, ACB, MWG, HPG, VRE tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên trong sắc xanh. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2403	5/14/2025	21	100	-85.93%	1.75	50	150.0%	3.92	1.90	13.50	13.50
CVRE2405	4/28/2025	5	2,721,800	-78.77%	1.90	1,380	91.7%	10.03	4.66	21.95	21.95
CMWG2408	5/14/2025	21	11,500	-86.60%	6.50	230	64.3%	8.72	7.88	58.80	58.80
CVJC2501	6/30/2025	68	21,100	-84.89%	10.61	390	62.5%	12.53	12.95	85.70	85.70
CMBB2508	8/5/2025	104	9,400	-80.09%	2.30	1,180	57.3%	10.57	4.66	23.40	23.40
CVRE2410	6/30/2025	68	309,600	-82.19%	2.19	430	48.3%	4.95	3.91	21.95	21.95
CVRE2406	7/28/2025	96	433,100	-73.30%	1.90	990	47.8%	5.02	5.86	21.95	21.95
CMWG2502	5/26/2025	33	2,676,900	-85.71%	6.00	480	45.5%	10.57	8.40	58.80	58.80
CTCB2505	6/30/2025	68	100	-81.61%	2.64	1,080	44.0%	11.74	4.80	26.10	26.10
CHPG2509	8/5/2025	104	1,300	-82.82%	2.80	530	43.2%	7.60	4.39	25.55	25.55
CVRE2502	5/26/2025	33	228,800	-70.11%	1.70	2,430	40.5%	10.13	6.56	21.95	21.95
CVNM2509	2/23/2026	306	200	-74.33%	7.20	910	37.9%	6.19	14.48	56.40	56.40
CVRE2408	8/14/2025	113	1,800	-71.89%	2.00	1,390	37.6%	6.66	6.17	21.95	21.95
CVRE2501	6/26/2025	64	10,300	-72.67%	1.80	1,400	37.3%	6.72	6.00	21.95	21.95
CTCB2406	6/30/2025	68	18,900	-83.53%	2.80	300	36.4%	4.67	4.30	26.10	26.10
CVHM2508	11/19/2025	210	300	-68.39%	5.44	2,610	35.9%	10.64	18.49	58.50	58.50
CVHM2509	12/19/2025	240	100	-68.09%	5.67	2,600	35.4%	10.60	18.67	58.50	58.50
CVHM2506	9/19/2025	149	100	-69.13%	5.11	2,590	34.9%	10.70	18.06	58.50	58.50
CVPB2401	5/21/2025	28	309,200	-87.15%	1.99	80	33.3%	7.75	2.15	16.70	16.70
CVHM2507	10/20/2025	180	100	-69.17%	5.33	2,540	32.3%	10.66	18.03	58.50	58.50

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 23/04/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CTPB2403 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 150.00%. CSHB2502 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.96%.
- CVHM2503, CVHM2408, CVIC2501, CFPT2510, CVHM2409 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CFPT2403, CFPT2402, CVRE2504, CSTB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCB	26.10	3.78%	4.20
ACB	24.60	2.07%	1.91
MWG	58.80	2.62%	1.68
HPG	25.55	2.00%	1.67
VRE	21.95	6.55%	1.22

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
SSB	18.50	-3.65%	-1.25
STB	40.20	-1.11%	-0.78
SHB	13.00	-1.52%	-0.57
VIC	58.60	-0.68%	-0.43
VCB	58.00	-0.85%	-0.28

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	26.10	3.78%	1.64	7.06
VHM	58.50	1.74%	0.99	4.11
GVR	23.15	3.81%	0.83	4.00
BCM	55.00	5.77%	0.77	1.04
HPG	25.55	2.00%	0.77	6.40

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	63.70	6.17%	0.71	0.30
IDC	36.10	3.74%	0.27	0.33
NTP	70.80	4.12%	0.25	0.14
BAB	11.10	3.74%	0.24	0.96
MBS	26.60	2.31%	0.21	0.57

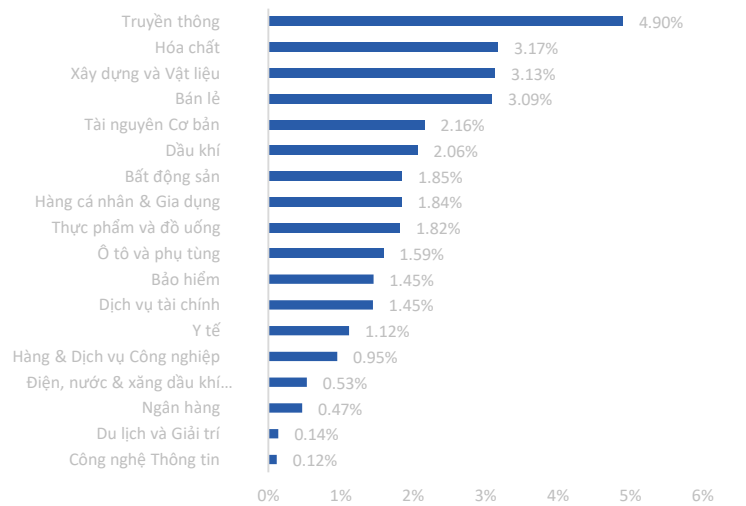
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	6.27	7.00%	0.00	0.00
BMP	144.40	6.96%	0.19	0.84
VTP	103.50	6.92%	0.21	0.60
PJT	10.05	6.91%	0.00	0.00
CTR	83.50	6.91%	0.16	1.12

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NFC	35.50	9.91%	0.19	0.02
DNC	65.20	9.76%	0.18	0.00
VIG	6.80	9.68%	0.10	0.74
ATS	12.50	9.65%	0.01	0.00
HTC	26.90	9.35%	0.14	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	58.00	-0.85%	-0.97	8.36
SSB	18.50	-3.65%	-0.45	2.85
VIC	58.60	-0.68%	-0.36	3.82
HVN	31.40	-1.57%	-0.26	2.21
STB	40.20	-1.11%	-0.20	1.89

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HGM	327.00	-5.22%	-0.13	0.01
MVB	18.90	-9.13%	-0.11	0.11
BKC	47.40	-4.24%	-0.01	0.01
MAC	22.10	-5.56%	-0.01	0.02
CCR	11.90	-6.30%	-0.01	0.02

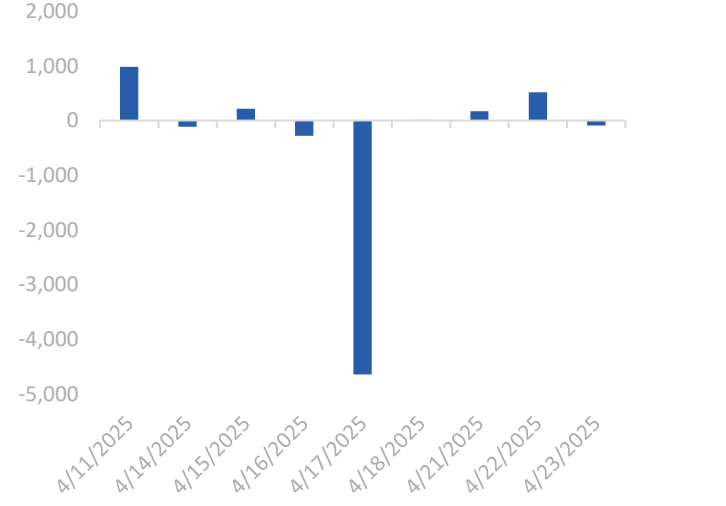
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVH	14.25	-6.86%	-0.01	0.75
SC5	17.05	-6.83%	0.00	0.05
GTA	9.46	-6.34%	0.00	0.00
MDG	12.80	-6.23%	0.00	0.00
FUCVREIT	5.04	-5.44%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MVB	18.90	-9.13%	-0.63	0.06
SDG	13.10	-9.03%	-0.04	0.00
SFN	20.80	-8.77%	-0.02	0.00
CX8	8.80	-8.33%	-0.01	0.00
HMH	13.20	-7.04%	-0.04	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	58.8	2.6%	1.4	84,743	508.8	2,544	22.5		47.1%	
KBC	Bất động sản	21.9	2.6%	1.2	16,388	163.8	498	42.9		16.5%	
KDH	Bất động sản	26.9	2.5%	1.3	26,492	84.4	863	30.4		35.9%	
PDR	Bất động sản	15.6	2.0%	1.6	13,881	162.4	191	80.2	23,600	7.8%	Link
VHM	Bất động sản	58.5	1.7%	0.9	236,176	796.6	7,349	7.8	58,200	12.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	110.4	0.0%	0.8	162,406	802.7	5,371	20.6	163,000	41.6%	Link
BSR	Dầu khí	15.4	2.7%	0.0	46,507	33.2	204	73.7		0.3%	
PVS	Dầu khí	26.6	0.4%	1.4	12,666	86.5	2,238	11.8	40,300	16.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.9	1.0%	1.4	17,711	203.3	1,394	17.7		40.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	22.8	2.3%	1.3	43,652	307.4	1,536	14.5		35.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.3	1.4%	1.4	25,708	184.5	1,602	22.3		30.7%	
DCM	Hóa chất	31.5	2.4%	1.4	16,279	104.0	2,682	11.5	41,100	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	90.8	3.0%	1.5	33,496	186.1	8,224	10.7	111,400	15.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.6	2.1%	0.9	107,646	167.1	3,759	6.4	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	35.4	0.7%	1.0	246,450	65.2	3,635	9.7	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	37.3	0.5%	1.2	199,227	251.7	4,720	7.9	50,000	26.7%	Link
HDB	Ngân hàng	20.4	0.3%	1.1	70,950	253.5	3,667	5.5		16.8%	
MBB	Ngân hàng	23.4	1.3%	1.1	140,962	792.2	3,729	6.2	26,300	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.4	2.3%	1.1	28,860	109.2	2,123	5.2	14,000	27.3%	Link
STB	Ngân hàng	40.2	-1.1%	1.1	76,634	656.2	5,351	7.6		21.1%	
TCB	Ngân hàng	26.1	3.8%	1.1	177,681	521.2	3,013	8.4	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.5	0.8%	1.1	35,402	116.0	2,298	5.8	-	23.5%	Link
VCB	Ngân hàng	58.0	-0.9%	0.9	488,807	113.1	4,049	14.5		22.5%	
VIB	Ngân hàng	17.7	0.9%	1.0	52,135	108.4	2,424	7.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	16.7	0.6%	0.9	131,703	184.6	1,989	8.4	25,500	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.6	2.0%	1.4	160,226	572.6	1,879	13.3	37,500	21.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	13.4	6.8%	1.5	7,762	144.4	935	13.4	22,700	6.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.2	4.1%	1.5	9,053	252.5	3,930	6.9	31,000	2.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	59.6	1.5%	1.3	84,431	387.0	1,345	43.7		25.0%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.4	0.7%	0.7	117,038	203.7	4,494	12.5		49.0%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	32.7	3.48%	1.5	6,926	23.8	2,042	15.5	18.8%		Link
FRT	Bán lẻ	168.0	5.13%	1.0	21,772	124.5	2,331	68.6	32.2%		
BVH	Bảo hiểm	44.0	1.38%	1.2	32,217	22.3	2,843	15.3	26.7%		
DIG	Bất động sản	14.5	2.11%	1.6	8,660	266.7	188	75.6	2.9%		
DXG	Bất động sản	14.8	5.36%	1.6	12,192	299.8	348	40.3	20.8%		Link
HDC	Bất động sản	21.7	3.33%	1.3	3,745	80.0	384	54.7	3.4%		
HDG	Bất động sản	23.0	2.22%	1.4	7,567	35.4	1,036	21.7	19.6%		
IDC	Bất động sản	36.1	3.74%	1.4	11,484	62.5	6,049	5.8	17.4%		
NLG	Bất động sản	27.5	3.00%	1.4	10,282	87.4	1,346	19.8	37.9%		Link
SIP	Bất động sản	58.2	3.74%	0.0	11,811	37.3	5,584	10.1	4.8%		
SZC	Bất động sản	29.2	4.29%	1.1	5,040	77.8	2,036	13.8	2.8%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	17.5	4.18%	1.4	11,193	158.3	1,466	11.4	9.0%		Link
VIC	Bất động sản	58.6	-0.68%	0.9	225,596	1123.4	3,069	19.2	7.8%		
VRE	Bất động sản	22.0	6.55%	0.9	46,810	575.8	1,802	11.4	19.3%		
CMG	Công nghệ Thông tin	31.5	2.44%	1.3	6,487	14.9	1,478	20.8	36.6%		
PLX	Dầu khí	33.5	1.06%	1.1	42,057	26.6	2,274	14.6	17.4%		Link
PVD	Dầu khí	17.5	3.55%	1.2	9,394	68.4	1,255	13.5	8.1%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.2	1.83%	1.5	10,860	114.0	1,816	19.6	29.6%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.6	2.31%	1.6	14,892	94.3	1,650	15.8	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	57.5	0.00%	1.1	134,704	40.4	4,439	13.0	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.0	0.84%	1.3	27,751	56.1	475	25.0	3.7%		
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.5	1.48%	0.9	31,793	43.1	4,237	15.9	49.0%		
VJC	Du lịch và Giải trí	85.7	2.63%	0.7	45,225	88.5	2,632	31.7	12.6%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	27.0	2.47%	1.4	22,603	273.7	2,052	12.8	11.3%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.0	0.43%	1.2	19,665	147.8	3,797	12.3	39.6%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.9	-0.83%	1.2	7,846	60.1	4,399	13.7	13.7%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.5	-0.49%	1.2	7,334	35.7	3,071	6.7	11.2%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	103.5	6.92%	0.0	11,789	61.7	3,146	30.8	6.6%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	68.8	2.53%	1.1	22,673	90.9	6,300	10.7	46.6%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.1	0.18%	1.0	2,852	50.2	2,710	10.3	50.0%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.2	3.85%	1.5	1,913	13.4	2,580	6.1	16.9%	17.0%	
DPM	Hóa chất	32.4	1.25%	1.2	12,523	29.0	1,374	23.3	8.6%		Link
GVR	Hóa chất	23.2	3.81%	1.4	89,200	136.8	997	22.4	0.6%		
EIB	Ngân hàng	18.9	2.45%	1.1	34,274	240.0	1,786	10.3	4.0%		Link
LPB	Ngân hàng	33.3	0.15%	0.5	99,327	91.2	3,333	10.0	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.2	0.93%	0.0	22,029	60.3	2,702	5.9	1.8%		
OCB	Ngân hàng	10.6	0.96%	1.0	25,767	14.9	1,287	8.1	19.2%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.0	6.19%	1.6	5,058	107.3	1,348	8.4	5.7%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.4	3.36%	1.5	3,967	15.7	612	24.4	0.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	6.88%	0.7	9,942	301.4	1,518	21.5	3.3%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.6	4.29%	0.7	59,767	56.0	3,376	13.8	59.2%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	45.0	2.86%	1.3	9,820	90.5	5,463	8.0	23.8%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	144.4	6.96%	0.9	11,051	118.6	12,103	11.2	84.7%	38.6%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	79.4	2.85%	1.5	7,715	78.3	3,718	20.8	49.0%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.5	6.91%	1.3	8,934	92.5	4,705	16.6	8.0%		
DPG	Xây dựng và Vật liệu	50.6	2.02%	1.6	3,125	31.3	3,553	14.0	8.0%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.1	3.42%	1.4	5,057	96.3	987	11.9	7.8%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	20.7	0.98%	1.2	7,332	17.6	1,307	15.7	16.6%		
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.7	-0.23%	1.3	12,989	202.4	1,548	14.0	7.8%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	39.0	4.28%	1.3	16,746	36.2	2,720	13.7	5.6%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
4	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
5	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
18	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
23	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>